TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hương

2. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023,tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: X, tổ Y, Đường T, ấp T, xã T, thành phố TN, tỉnh TN; Số điện thoại: 0354.306.075 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: X, tổ Y, Đường T, ấp T, xã T, thành phố TN, tỉnh TN; Số điện thoại: 0562.574.597 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Minh H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông H, bà A chung sống vợ chồng năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố TN, tỉnh TN cũng cùng vào năm 2019. Quá trình chung sống không hạnh phúc, ông H nhường nhịn vợ nhiều đến khoảng tháng

3/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ ông (bà A) sống không có tình nghĩa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau.

Về con chung: Ông H, bà A có con chung là Lê Phạm Thiên A, sinh ngày 14/7/2021. Ông H đồng ý giao con cho vợ nuôi, ông cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng; nếu vợ không đồng ý mức cấp dưỡng thì ông H xin nuôi con, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Do thu nhập hàng tháng lương công nhân của ông H khoảng 5.700.000 đồng nhưng từ 30/6/2023 do Công ty giảm biên chế đã cho ông H nghỉ việc đến nay, hiện ông H đang thất nghiệp. Bà A cũng không có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Kim A trình bày:*

Thống nhất nội dung trình bày của ông H về thời gian đăng ký, nơi đăng ký kết hôn.

Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn về tiền bạc, sinh lý. Chung sống được khoảng 02 năm thì có cãi nhau nhưng sau đó có hòa thuận lại. Mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng tháng 7/2021 đến nay. Dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà A không đồng ý ly hôn vì do trước đây ông H có hứa nếu bà A chịu sống cùng ông H, sinh con cho ông H thì ông H sẽ cho bà A một nửa căn nhà, tài sản là của chung; ông H có đồng ý ký tên rồi có viết giấy cam kết nhưng ông H đã xé giấy. Do đó, nếu ông H muốn ly hôn thì ông H phải làm đúng lời hứa theo trách nhiệm cho bà A một nửa căn nhà thì bà A mới đồng ý ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn còn do ông H đánh bà A và ngoại tình.

Về con chung: Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung bà A yêu cầu được nuôi con chung là Lê Phạm Thiên A, sinh ngày 14/7/2021; bà A yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng. Bà A thống nhất nội dung ông H trình bày về việc trước đây ông H làm công nhân mỗi tháng 5.700.000 đồng và hiện nay ông H đã bị cho nghỉ việc, đang thất nghiệp. Bà A cho rằng ông H có nhà đất nên có tiền để lo cho con. Tuy nhiên, tại bản trình bày ý kiến ngày 24/7/2023 bà A đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà Kim A.

Về con chung: giao cháu A cho bà Kim A nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Ông H trình bày cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, bà Kim A đồng ý nên ghi nhận.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông H có yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" với bà A cư trú tại ấp Tân Hòa, xã T, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Ông H và bà A chung sống vợ chồng năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố TN, tỉnh TN vào ngày 02/5/2019 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà A: Ông H trình bày quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân mâu thuẫn do bà A sống không có tình nghĩa, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà Kim A không đồng ý ly hôn nhưng bà A thống nhất quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vấn đề sinh lý, tiền bạc, ông H đánh vợ và ngoại tình. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Ông H đối với bà A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Phạm Thiên A, sinh ngày 14/7/2021. Xét thấy cháu A là cháu gái, dưới 36 tháng tuổi, ông H và bà A đều thống nhất giao cháu A cho bà A nuôi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Ông H, bà ánh đều thống nhất ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/ tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn ông H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của ông Lê Minh H đối với bà Phạm Thị Kim A. Ông H, bà A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Thiên A, sinh ngày 14/7/2021 cho bà A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/ tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà A cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn ông H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002001 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Ông H còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- Cơ quan cấp GCN đăng ký kết hôn.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Dung